

Số: 234/BC - UBND

Hoài Nhơn, ngày 09 tháng 10 năm 2019

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUÝ III NĂM 2019**

Thực hiện Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Quyết định số 10202/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2019, UBND huyện báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện quý III năm 2019 theo chi tiết tại Phụ lục 01, 02, 03 đính kèm.

**I/ Về thu ngân sách nhà nước**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện quý III/2019 là 818.880 triệu đồng, đạt 119% dự toán huyện giao và bằng 118% so với số thu cùng kỳ năm trước.

**1. Các chỉ tiêu thu đạt và vượt tiến độ so với dự toán tỉnh và huyện giao như:**

- Lệ phí trước bạ: 20.240 triệu đồng, đạt 85% dự toán huyện giao và bằng 119% số thu cùng kỳ năm trước

- Thu phí, lệ phí: 7.276 triệu đồng, đạt 101% dự toán huyện giao và bằng 128% số thu cùng kỳ năm trước

- Các khoản thu về nhà, đất (bao gồm: thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thu tiền sử dụng đất; Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước): 245.306 triệu đồng, đạt 167% dự toán năm và bằng 314% số thu cùng kỳ năm trước.

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: 6.500 triệu đồng, đạt 96% so với dự toán giao và bằng 74% số thu cùng kỳ năm trước.

**2. Các chỉ tiêu thu không đạt tiến độ so với dự toán giao như:**

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 93.441 triệu đồng, đạt 63% so với dự toán giao và bằng 112% so với số thu cùng kỳ năm trước

- Thuế thu nhập cá nhân: 16.138 triệu đồng, đạt 70% so với dự toán giao và bằng 118% so với số thu cùng kỳ năm trước

- Thu khác ngân sách: 8.400 triệu đồng, đạt 58% so với dự toán giao và bằng 109% so với số thu cùng kỳ năm trước.

**\*Nguyên nhân một số chỉ tiêu thu chưa đạt kế hoạch:**

- Công tác giám sát kê khai thuế chưa được chú trọng đúng mức; việc đôn đốc, xử lý thu nợ còn thiếu kiên quyết.

- Công tác phối hợp quản lý thu thuế đối với hoạt động lưu trú, hoạt động kinh doanh vận tải, hoạt động XD/CB đối với nhà ở tư nhân, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản đã có chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa đạt hiệu quả cao.

**II/ Về chi ngân sách huyện**

- Tổng chi NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm là 772.081 triệu đồng, đạt 113% dự toán năm và bằng 153% số chi cùng kỳ năm trước. Bao gồm:

+ Chi cân đối ngân sách: 623.181 triệu đồng, đạt 104% dự toán năm và bằng 156% số chi cùng kỳ năm trước.

+ Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 148.900 triệu đồng, đạt 174% dự toán năm và bằng 145% số chi cùng kỳ năm trước

Nhìn chung, về cơ bản chi ngân sách 9 tháng đầu năm được điều hành hợp lý, bám sát dự toán đầu năm nhất là chi thường xuyên; giải quyết kịp thời kinh phí Chương trình mục tiêu, bảo đảm chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng. Xử lý kịp thời những bức xúc về nhu cầu vốn đầu tư phục vụ công tác GPMB để triển khai các dự án xây dựng. Thực hiện tốt cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí, phát huy tính chủ động của các đơn vị dự toán trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là thuyết minh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Hoài Nhơn trong quý III năm 2019, UBND huyện Hoài Nhơn báo cáo Sở Tài chính biết để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỦ TỊCH



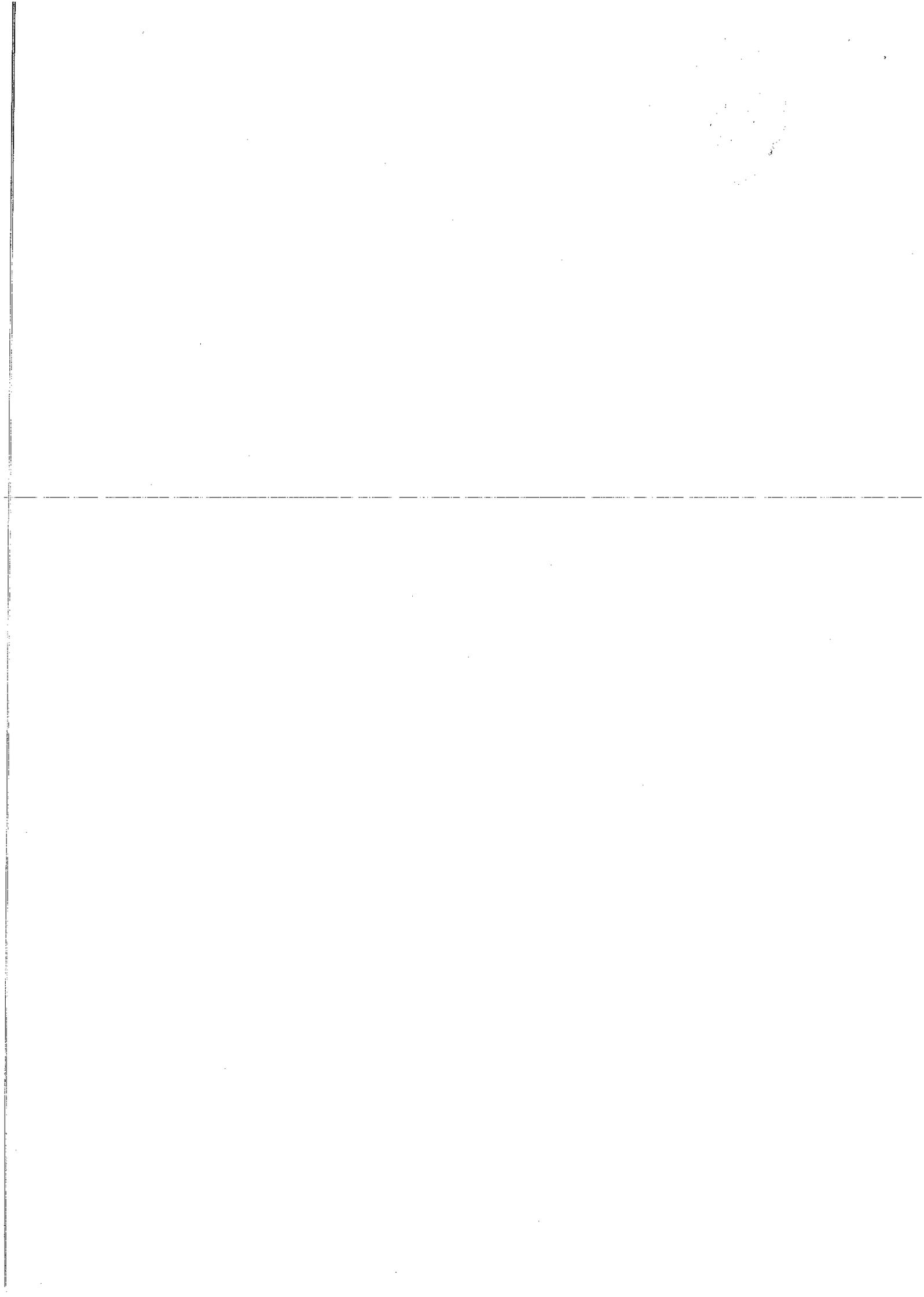
Cao Thanh Thương

**PHỤ LỤC 01: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 234/BC-UBND ngày 09/10/2019 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	685.990	818.880	119	118
I	<b>Thu cân đối NSNN</b>	362.922	380.754	105	185
1	Thu nội địa	362.922	380.754	105	185
2	Thu viện trợ				
II	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	312.648	328.693	105	85
III	<b>Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm</b>	5.420	-	0	0
IV	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	5.000	102.814	2.056	106
V	<b>Thu huy động, đóng góp</b>		5.160		103
VI	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		1.459		130
B	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	685.990	772.081	113	153
I	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	600.265	623.181	104	156
1	Chi đầu tư phát triển	158.900	176.289	111	153
2	Chi thường xuyên	429.595	444.542	103	156
3	Dự phòng ngân sách	11.770	2.350	20	
II	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	85.725	148.900	174	145





## THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2019

Kế hoạch UBND cấp số 234/BC-UBND ngày 09/10/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý III năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	693.100	837.927	121	119
I	Thu nội địa	370.032	399.801	108	187
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	148.000	93.441	63	112
4	Thuế thu nhập cá nhân	23.000	16.138	70	118
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	23.700	20.240	85	119
7	Thu phí, lệ phí	7.200	7.276	101	128
8	Các khoản thu về nhà, đất	146.900	245.306	167	314
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		14		48
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	900	850	94	116
-	Thu tiền sử dụng đất	139.000	229.500	165	311
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7.000	14.942	213	426
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	14.460	8.400	58	109
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	6.772	6.500	96	74
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		2.500		12.500
II	Thu viện trợ				
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	312.648	328.693	105	85
III	Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm	5.420		0	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	5.000	102.814	2.056	106
V	Thu huy động, đóng góp		5.160		103
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		1.459		130

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý III năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	685.990	818.880	119	118
I	Thu cân đối ngân sách	362.922	380.754	105	185
1	Từ các khoản thu phân chia	165.280	109.140	66	114
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	197.642	271.614	137	245
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	312.648	328.693	105	85
III	Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm	5.420	-	-	-
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	5.000	102.814	2.056	106
V	Thu huy động, đóng góp		5.160		103
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		1.459		130


**03: CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2019**
*(Kèm theo Báo cáo số 234/BC-UBND ngày 09/10/2019 của UBND huyện)*
*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý III năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=2/1</b>	<b>4</b>
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	685.990	772.081	113	153
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	600.265	623.181	104	156
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	158.900	176.289	111	153
1	Chi đầu tư cho các dự án	158.900	176.289	111	153
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	429.595	444.542	103	156
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	298.481	278.250	93	147
2	Chi khoa học và công nghệ	280	150	54	357
3	Hội chữ thập đỏ	401	240	60	85
4	Chi văn hóa thông tin thể thao	6.109	4.800	79	115
5	Chi sự nghiệp truyền thanh cấp xã	626	525	84	105
6	Chi bảo vệ môi trường	1.165	461	40	248
7	Chi hoạt động kinh tế	9.094	10.350	114	142
8	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	89.892	85.275	95	123
9	Chi bảo đảm xã hội	8.547	9.520	111	275
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	11.770	2.350	20	
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	85.725	148.900	174	145
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		5.226		70
2	Chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	85.725	143.674	168	151

